TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2017/DS-ST
Ngày: 13-12-2017.

"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2017/TLST-DS, ngày 04/7/2017, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2017/QĐXXST-DS ngày 10/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 142/2017/QĐST-DS ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Kim H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 230, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Mai Kim H: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà 85D, Kênh M, Khóm X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền chứng thực số 1032 ngày 09/6/2017); (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị U, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 149/3, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 16/8/2017 và tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Mai Kim H, ông Phạm Văn K trình bày:

Từ năm 2015 - 2016, bà Mai Kim H có cho chị Phạm Thị U vay tiền tổng cộng 05 lần, với tổng số tiền là 205.500.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn vay

không có thời hạn, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 30/3/2015, chị U vay số tiền 35.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận và cũng không có người làm chứng.

- Lần 2: Vào ngày 05/10/2015, chị Út vay số tiền 60.000.000 đồng, có làm tờ hợp đồng cầm cố nhưng không có tài sản cầm cố tài sản và thực chất là hợp đồng vay tiền chứ không phải là hợp đồng cầm cố tài sản.

- Lần 3: Vào ngày 28/10/2015, chị U vay số tiền 63.000.000 đồng, có làm tờ hợp đồng cầm cố nhưng không có tài sản cầm cố tài sản và thực chất là hợp đồng vay tiền chứ không phải là hợp đồng cầm cố tài sản.

- Lần 4: Vào ngày 03/3/2016, chị U vay số tiền 2.500.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận và cũng không có người làm chứng.

- Lần 5: Vào ngày 18/3/2016, chị U vay số tiền 45.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận và cũng không có người làm chứng.

Do đến nay chị U vẫn chưa trả số tiền vốn và tiền lãi cho chị H. Cho nên, chị Mai Kim H yêu cầu chị Phạm Thị U phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vốn nợ vay 05 lần như trên với tổng số tiền là 205.500.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, đến ngày 24/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Mai Kim H có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền vay lần 01 ngày 05/10/2015, lần 4 ngày 03/3/2015 và lần 5 ngày 18/3/2016 tổng số tiền là 82.500.000đồng. Chị Mai kim H chỉ yêu cầu chị Phạm Thị U trả số tiền vay 02 lần vào các ngày 05/10/2015 là 60.000.000 đồng và ngày 28/10/2015 là 63.000.000 đồng, tổng cộng là 123.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn Phạm Thị U kể từ khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo luật định nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn Phạm Thị U đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Phạm Thị U vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Mai Kim H. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Phạm Thị U là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy, bị đơn Phạm Thị U có địa chỉ cư trú tại số nhà 149/3, ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc chị Phạm Thị U vay số tiền tổng cộng 123.000.000 đồng của bà Mai Kim H được thể hiện thông qua hai Tờ hợp đồng cầm đồ ngày 05/10/2015 với số tiền 60.000.000 đồng và ngày 28/10/2015 với số tiền 63.000.000 đồng, cả hai tờ hợp đồng cầm đồ này đều chỉ thể hiện số tiền vay, lãi suất, nhưng không có cầm cố hay thế chấp tài sản gì và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng thừa nhận là không có cầm cố hay thế tài sản. Như vậy, đối với hai Tờ hợp đồng cầm đồ này thực chất là biên nhận vay tiền và cả hai biên nhận đều có chữ ký tên và ghi họ tên của bị đơn Phạm Thị U do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện. Thế nhưng, Tòa án đã thông báo cho bị đơn Phạm Thị U biết về các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn Mai Kim H đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có hai biên nhận vay tiền thông qua Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn Phạm Thị theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị đơn Phạm Thị vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với hai biên nhận trên, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều này, chứng tỏ rằng bị đơn Phạm Thị U đã không phản đối đối với việc yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Mai Kim H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 24/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Mai Kim H xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền gốc là 82.500.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định nên đình chỉ phần này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Mai Kim H được chấp nhận toàn bộ, cho nên bị đơn Phạm Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357,

Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Phạm Thị U trả cho bà Mai Kim H số tiền vốn vay 123.000.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Mai Kim H yêu cầu bị đơn Phạm Thị trả tiền vay đối với số tiền 82.500.000đồng.

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Bị đơn Phạm Thị U phải chịu 6.150.000 đồng (Sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn Mai Kim H số tiền 5.137.500 đồng (Năm triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 15236, ngày 04/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/12/2017). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa ngày 13/12/2017 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư